

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hào.

Bà Đoàn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên
tòa:** Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: xóm Lương Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: xóm Văn Đồng, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L- sinh năm 1987

Nơi cư trú: xóm Lương Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Nguyễn Văn Danh - Văn phòng luật sư Văn Danh và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Nghệ An . Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) – chi nhánh Đô Lương.

Người đại diện: ông Trần Công Vinh – Giám đốc . Vắng mặt tại phiên tòa. Ủy quyền cho ông Lê Khắc Vân, Trưởng phòng tín dụng (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Phạm Văn L đăng ký kết hôn ngày 15/7/2015 tại UBND xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường. Đến tháng 01 năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh L hay uống rượu và nhiều lần đuổi chị N ra khỏi nhà, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chị N đã nhiều lần về thăm gặp con và đón con về để nuôi nhưng anh L cấm không cho. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn bị đơn anh Phan Văn L

Về con chung: giữa chị N và anh L có 01 con chung là Phạm Văn Vĩnh Nguyên, sinh ngày 27/3/2016

Về con riêng: anh Phạm Văn L có 01 con người con riêng với vợ trước tên là Phạm Thị Thủy Tiên, sinh ngày 24/02/2014

Các con trước đây ở với chị N và anh L, hiện tại hai cháu Nguyên và Tiên đang ở với anh L. Bản thân chị N không đồng ý việc anh L đưa con chung Phạm Văn Vĩnh Nguyên ở với anh L, nhưng chị N không thể ngăn cản được, nhiều lần chị N về thăm con Phạm Văn Vĩnh Nguyên và muốn đưa con về nuôi dưỡng nhưng bị anh L ngăn cản dọa đánh đập. Chị N là công nhân may tại Công ty cổ phần may Minh Anh Đô Lương có thu nhập ổn định bình quân khoảng 7,5 triệu đồng/tháng. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Văn Vĩnh Nguyên và không yêu cầu giải quyết con riêng của anh L với người vợ trước vì cháu Tiên đang sống với anh L, chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung:

Chị N, anh L có các tài sản chung sau: 01 thửa đất số 2470, tờ bản đồ số 10, diện tích 259,5m² được ủy ban nhân dân huyện Đô Lương cấp ngày 04/7/2017 mang tên Nguyễn Thị N và Phạm Văn L và tài sản trên đất có giá trị 451.172.200đồng

Về nợ chung: Chị N, anh L có vay của ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An số tiền là 150.000.000đồng

Hai vợ chồng thống nhất tài sản và nợ như sau:

Anh Phạm Văn L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ gốc và lãi cho ngân hàng nông nghiệp phát triển nông chi nhánh huyện Đô Lương số tiền là 150.000.000đồng gốc và tiền lãi hàng tháng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc

Giao 01 thửa đất số 2470, tờ bản đồ số 10, diện tích 259,5m² được UBND huyện Đô Lương cấp ngày 04/7/2017 và toàn bộ tài sản trên đất mang tên chị Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L tại xóm Lương Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương cho anh Phạm Văn L sở hữu.

Anh Phạm Văn L có trách nhiệm trích lại phần chênh lệch cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 115.000.000đồng

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý với chị N về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N

Về con cái: anh L trình bày anh và chị N có 01 con chung Phạm Văn Vĩnh Nguyên, sinh ngày 27/3/2016 và 01 con riêng giữa anh với người vợ trước đây cháu tên là Phạm Thị Thủy Tiên, sinh ngày 24/02/2014 hiện tại cháu Nguyên, cháu Tiên đang ở với anh L, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng của anh vì cháu đã ở với anh từ nhỏ, anh và người vợ trước đây đã ly hôn có quyết định của Tòa án giao con cho anh nuôi; còn con chung giữa anh với chị N, anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyên và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: anh L nhất trí như lời trình bày của nguyên đơn

Người có quyền lợi và nghĩa vụ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) trình bày:

Vào ngày 19/9/2019 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi Nhánh huyện Đô Lương – phòng giao dịch Văn Hiến có cho anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị N, tại xóm Lương Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương vay số tiền là 150.000.000đồng. Quá trình vay anh L và chị N thực hiện trả lãi theo đúng quy định. Nay anh L và chị N đang còn nợ số tiền gốc tại ngân hàng 150.000.000đồng, chị N, anh L thống nhất để tài sản gồm thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất thế chấp cho anh Phạm Văn L, anh L có tiếp tục trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngân hàng đồng ý để anh L thực hiện tiếp phần trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo hợp đồng các bên đã ký kết.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xem xét việc anh L có điều kiện thu nhập cao hơn chị N nên có điều kiện chăm sóc cháu Vĩnh Nguyên hơn chị N. Cháu Vĩnh Nguyên đã ở quen môi trường với anh L từ lâu, không nên làm xáo trộn cuộc sống cháu Vĩnh Nguyên. Chị N có đặc thù công việc đi làm cả ngày nên không đủ điều kiện để chăm sóc cháu Vĩnh Nguyên bằng anh L. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vĩnh Nguyên cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L; giao con chung Phan Văn Vĩnh Nguyên cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và có nơi cư trú tại Ủy ban nhân dân xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương. Do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền được qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị N và anh L có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hai gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, cho đến hôm nay vợ chồng không thể quay về sống chung với nhau được, nên chị N đã làm đơn yêu cầu ly hôn. quá trình giải quyết vụ án Toà án đã kiên trì hoà giải để chị N, anh L quay lại đoàn tụ nhưng chị N, anh L xét thấy vợ chồng không đoàn tụ lại được, mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, không thể quay trở lại xây dựng hạnh phúc được, tình cảm của chị N đối với anh L đã không còn. Trước Tòa hôm nay, chị N vẫn khẳng định tình cảm giữa chị đối với anh L đã không còn, không thể đoàn tụ được, mâu thuẫn đã quá lớn và anh xin được Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn L. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: chị N , anh L có 01 con chung là Phạm Văn Vĩnh Nguyên, sinh ngày 27/3/2016; Hiện tại con chung đang ở với anh L. Chị N, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyên.

Xét yêu cầu nuôi con chung Phan Văn Vĩnh Nguyên của chị N, anh L là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên hội đồng xét xử thấy: hiện cháu Nguyên đang còn nhỏ 4 tuổi, chưa thể tự lập trong sinh hoạt được. Chị N có thu nhập ổn định,

cháu Nguyên cũng đã sống cùng mẹ cho đến trước tháng 01/2020 đến khi chị N bị anh L đuổi ra khỏi nhà về bên ngoại sinh sống. Việc giao cháu Nguyên cho chị N nuôi dưỡng cũng phù hợp với việc đảm bảo điều kiện cho con chung được chăm sóc tốt hơn. Hơn nữa anh Phạm Văn L công việc không ổn định và đã có 01 con riêng với người vợ trước đặt tên là Phạm Thị Thủy Tiên, sinh ngày 24/02/2014 hiện cháu Tiên đang sống cùng anh L. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Phạm Văn Vĩnh Nguyên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyên thành niên đủ 18 tuổi. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L tự thỏa thuận:

Anh Phạm Văn L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đô Lương số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi hàng tháng của số tiền gốc cho đến khi thanh toán hết 150.000.000đồng

Giao 01 thửa đất số 2470, tờ bản đồ số 10, diện tích 259,5m² được UBND huyện Đô Lương cấp ngày 04/7/2017 và toàn bộ tài sản trên đất mang tên chị Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L tại xóm Lương Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương cho anh Phạm Văn L sở hữu.

Anh Phạm Văn L có trách nhiệm trích lại phần chênh lệch cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 115.000.000đồng

Xét thấy việc thỏa thuận nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với đạo đức và phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp Điều 59 luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Về chi phí định giá, thẩm định, đo vẽ hết 5000.000đồng: mỗi đương sự phải chịu ½ chi phí. Nhưng do chị N đã nộp số tiền này và thống nhất chịu toàn bộ chi phí định giá, thẩm định, nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, những đã được trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng tại chi cục thi hành án huyện Đô Lương

Về án phí chia tài sản:

Do nguyên đơn, bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung trước phiên tòa nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu 50% phần án phí tương ứng trên phần tài sản được hưởng và ½ án phí nghĩa vụ của nợ chung của hai vợ chồng. Như vậy chị N phải chịu số tiền án phí dân sự là 4.750.000đồng, nhưng đã được trừ đi tạm ứng án phí 14.575.000 đồng mà chị N đã nộp tại chi cục thi hành án, trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 9.825.000đồng. Bị đơn anh L phải chịu phần 50% án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng và ½ án phí nghĩa vụ nợ chung của hai vợ chồng với số tiền 6.528.555đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, 37, 38, 39, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Phạm Văn L;

- Về con chung: giao con chung Phạm Văn Vĩnh Nguyên, sinh ngày 27/3/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi cho đến khi cháu Nguyên thành niên đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị N có yêu cầu.

Người đang trông giữ con chung chưa thành niên có nghĩa vụ giao con chung cho người được Tòa án giao quyền nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Giao 01 thửa đất số 2470, tờ bản đồ số 10, diện tích 259,5m² được UBND huyện Đô Lương cấp ngày 04/7/2017 mang tên Nguyễn Thị N, Phạm Văn L và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ xóm Lương Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương cho anh Phạm Văn L được quyền sở hữu

Anh Phạm Văn L có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi mà vợ chồng anh L, chị N đang còn nợ ngân hàng nông nghiệp phát triển nông chi nhánh huyện Đô Lương số tiền gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng cho đến khi anh L thanh toán xong số tiền nợ gốc

Anh Phạm Văn L có trách nhiệm trích lại phần chênh lệch cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 115.000.000đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chưa trả hết số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015 quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (anh Phạm Văn L) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có

thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

Về chi phí định giá, thẩm định, đo vẽ hết 5000.000đồng: chị Nguyễn Thị N đã nộp số tiền này và thống nhất chịu toàn bộ chi phí định giá, thẩm định, nên không xét.

Về án phí : chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 4.750.000đồng án phí tương ứng với phần tài sản chị được hưởng và nghĩa vụ tài sản, nhưng đã được trừ đi tạm ứng án phí 14.875.000đồng mà chị N đã nộp tại chi cục thi hành án theo biên lai số 0005504 ngày 06/02/2020, trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 9.525.000 đồng. Anh Phạm Văn L phải chịu phần án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng và ½ án phí nghĩa vụ nợ chung của hai vợ chồng với số tiền 6.528.555 đồng

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Hiến Sơn, Đô Lương;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Anh